TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Minh;**
2. Ông **Huỳnh Thanh Bình**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **02** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An P mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1983.

Cư trú: Tổ 02, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1 985.

Cư trú: Tổ 02, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà T có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Nguyễn Ngọc T, trình bày: Hôn nhân của bà với ông H là do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T vào năm 2006. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn mà suốt ngày ăn nhậu về đánh đập bà thường xuyên, có lần ông H đánh bà gây thương tích phải nhờ Công an xã V, huyện A can thiệp. Từ đó, bà không

còn tình cảm nên đã ly thân với ông từ năm 2009 đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà với ông H có 01 con chung tên: Trần Thị Bích Th, sinh ngày: 28/8/2008. Hiện nay cháu Th đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu T cho ông H được tiếp tục nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có tài sản chung và nợ chung.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tại biên bản ghi lời khai bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dạy cháu T và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, tài sản chung và nợ chung xác định không có.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án. Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Bùi Thị V - mẹ ruột ông H cung cấp: Ông H có nhận được các Thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án được do đi làm thuê và hiện tại ông đang sinh sống tại ấp V, xã V, huyện A. Hôn nhân của bà T và ông H là do mai mối và tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Khoảng 08 năm trước vợ chồng H phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Theo bà biết nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian ly thân gia đình cũng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà T, ông H có 01 con chung, hiện đang sống với ông H, ông H có nguyện vọng được nuôi con. Tài sản chung, nợ chung thì vợ chồng H không có. Ngoài ra, theo biên bản lời khai cùng ngày của cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày: 28/8/2008 thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông H cùng ông bà nội.

Tại phiên toà hôm nay: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông Hữu theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chứng cứ bà T cung cấp và Tòa án thu thập được đã được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T; giao cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày: 28/8/2008 cho ông H được tiếp tục nuôi và công nhận sự tự nguyện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Bà T kiện xin ly hôn với ông H. Ông H hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa Nguyễn Ngọc T và ông Trần Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp, phát sinh trách nhiệm pháp lý, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H, HĐXX xét thấy:

Bà T và ông H sống chung từ năm 2004 đến năm 2006 đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông H thường xuyên uống rượu về đánh đập bà, dẫn đến tình cảm mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông H đã ly thân nhau từ năm 2009 cho đến nay, hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng cho hai bên nhưng không thành. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định đã không còn tình cảm với ông H và cương quyết ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông H ly thân từ năm 2009 đến nay đã 09 năm, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung:

Xét thấy cháu Trần Thị Bích T, sinh ngày: 28/8/2008, hiện đang sống chung với ông H và gia đình ông H nuôi và chăm sóc, tình cảm giữa cháu T với ông H đã thật sự gắn bó, tại phiên tòa bà T cũng đồng ý cho ông Hữu tiếp tục nuôi cháu T là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu, do đó HĐXX công nhận.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, do ông H vắng mặt, không xác định được yêu cầu của ông H nhưng bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét tự nguyện của bà T là có lợi cho cháu T, thể hiện được trách nhiệm của người mẹ đối với con nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: *Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Ông H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Thị Bích T, sinh ngày: 28/8/2008.

Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000 đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 001085 ngày 10/10/2017. Bà T nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng